

Bản án số: 104/2020/DS-ST
Ngày 15 - 9 - 2020
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Q, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 224A, Lê Hồng Phong, khóm B, phường C, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng L, sinh năm 1957; cư trú tại: Số 224A, Lê Hồng Phong, khóm A, phường B, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Tạ Thanh T; cư trú tại: Ấp TLB, xã TAKN, huyện DD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Hồng L thống nhất trình bày:

Ngày 30/7/2016al, ông bà có cho bà T vay 25.000.000đ để cải tạo ruộng và mua tôm giống, lãi suất thỏa thuận 800.000đ/tháng, trả lãi hàng tháng, thỏa thuận khi nào ông bà có nhu cầu sử dụng sẽ thông báo cho bà T trước. Ngày 25/12/2019al, bà T có trả được 2.000.000đ tiền lãi thì ngưng trả cho đến nay. Ông bà nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải nhưng bà T không có mặt.

Nay ông bà yêu cầu bà T trả tổng số tiền 43.000.000đ (trong đó

25.000.000đ tiền vốn vay, tiền lãi 20.000.000đ và trừ số tiền lãi 2.000.000đ bà T đã trả trước đó).

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Tạ Thanh T nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tạ Thanh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T là phù hợp.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, ông Q, bà L yêu cầu bà T trả số tiền 43.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông Q, bà L chỉ yêu cầu trả số tiền nợ 42.600.000đ. Xét thấy, việc ông Q, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: Theo biên nhận ngày 30/7/2016 al thể hiện bà T có vay của ông Q, bà L 25.000.000đ, lãi suất 800.000đ/tháng, trả lãi hàng tháng và theo nguyên đơn xác định bà T vẫn còn nợ số tiền vốn 25.000.000đ. Đối với bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà T có vay và hiện tại còn nợ ông Q, bà L 25.000.000đ.

[3.2] Về số tiền lãi, xét thấy: Tại phiên tòa, ông Q, bà L yêu cầu bà T trả số tiền lãi 17.600.000đ (đã trừ 2.000.000đ tiền lãi bà T đã đóng) là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà L. Buộc bà T trả cho ông Q, bà L số tiền nợ 42.600.000đ (trong đó tiền vốn 25.000.000đ, tiền lãi 17.600.000đ).

[3] Về án phí dân sự: Ông Q, bà L không phải chịu. Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Hồng L. Buộc bà Tạ Thanh T trả cho ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Hồng L số tiền nợ 42.600.000đ (bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Hồng L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Tạ Thanh T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Hồng L không phải chịu. Bà Tạ Thanh T phải chịu 2.130.000đ (hai triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Hồng L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tạ Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng